

Số: /BC-SGDĐT

Ninh Thuận, ngày tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022

Thực hiện Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2021; Công văn số 167/UBND-VXNV ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ; Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ CCHC năm 2022, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính:

Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 2811/KH-SGDĐT ngày 13/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về công tác cải cách hành chính năm 2021.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC:

Sở Giáo dục và Đào tạo phổ biến và quán triệt đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh về cải cách hành chính¹ đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động trong ngành giáo dục và đào tạo để xác định rõ trách nhiệm trong công tác chỉ đạo của người đứng đầu và của các tổ chức, cá nhân tham mưu; cụ thể hóa các nhiệm vụ cải cách hành chính đến từng phòng chức năng, đơn vị để triển khai thực hiện nhằm mang lại hiệu quả tích cực trong công tác cải cách hành chính tại cơ quan.

Đã ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính² để cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện; lồng ghép nội dung công tác cải cách hành

¹ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2021 và các Kế hoạch số: 4494/KH-UBND ngày 15/12/2020 về việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2021; 1132/KH-UBND ngày 10/3/2021 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021; 1243/KH-UBND ngày 17/3/2021 về phát động phong trào thi đua cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2021; 3941/KH-UBND ngày 03/8/2021 về triển khai các giải pháp đột phá về Chương trình Cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận nhằm cải thiện, phát triển bền vững Chỉ số PAPI, PAR INDEX, SIPAS của tỉnh năm 2021.

² Kế hoạch số 2811/KH-SGDĐT ngày 13/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về công tác cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch số 217/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 về kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch số 218/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 về kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2021; Kế hoạch số 215/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 về việc tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch số 216/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 phát động thi đua thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021.

chính vào nội dung họp giao ban hàng tháng của Sở với các đơn vị trực thuộc Sở.

Công tác thi đua, khen thưởng, thực hiện sáng kiến cải cách hành chính luôn gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của Sở. Tiêu chí cải cách hành chính được đưa vào tiêu chí đánh giá chấm điểm, bình xét xếp hạng thi đua hàng năm của các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Sở.

Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính: Nâng cao hiệu quả công tác quản lý trong trường học qua việc chuyển đổi số hồ sơ, sổ sách trên nền tảng Microsoft Office 365; Một số giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025;...

3. Về kiểm tra cải cách hành chính:

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 217/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 về kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch số 218/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 về kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2021; Sở đã thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính tại một số đơn vị trường THPT trực thuộc Sở và lồng ghép kiểm tra việc thực hiện các thủ tục hành chính với công tác thanh tra toàn diện tại các đơn vị. Qua thanh tra, kiểm tra cho thấy, đã thực hiện tốt công tác cải cách hành chính và có thông báo và chấn chỉnh, xử lý các vấn đề phát hiện sau kiểm.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC:

Ban hành Kế hoạch số 215/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 về việc tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch số 216/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 phát động thi đua thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021.

Kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền đạt 100% kế hoạch đề ra, cụ thể: Phổ biến, quán triệt nội dung các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và Ủy ban nhân tỉnh về công tác cải cách hành chính và hoạt động cải cách hành chính thông qua cuộc họp giao ban với đơn vị trực thuộc Sở; lồng ghép nội dung cải cách hành chính với tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; cập nhật, đăng tải các văn bản QPPL trên website của Sở, phối hợp Báo Ninh Thuận xây dựng chuyên mục giáo dục và đào tạo trên báo Ninh Thuận, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình đưa tin về công tác giáo dục; Niêm yết, công khai các thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Cổng dịch vụ công tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về cải cách thể chế:

a) Xây dựng và ban hành các văn bản QPPL: Từ đầu năm đến ngày nay, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật gồm 02 nghị quyết của HĐND tỉnh và 03 quyết định của UBND tỉnh³.

³ Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 31/8/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức thu và sử dụng nguồn thu dịch vụ truyền sinh vào lớp 6, lớp 10 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 31/8/2021 kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 23/8/2016 và Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND

- 04 Nghị quyết dự kiến trình tại kỳ họp HĐND tỉnh cuối năm 2021:

+ Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo viên mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động và trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

+ Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh về khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đi đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

+ Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

+ Nghị quyết chính sách không thu học phí có thời hạn trong năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19.

b) Công tác kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản QPPL:

Căn cứ các kế hoạch về kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2021 của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các kế hoạch: Kế hoạch số 26/KH-SGDĐT ngày 07/01/2021 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2021; Kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 07/01/2021 về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật năm 2021; Kế hoạch số 119/KH-SGDĐT ngày 18/01/2021 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo do HĐND, UBND tỉnh ban hành tại địa phương và báo cáo Bộ GDĐT theo quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính

Triển khai thực hiện Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Sở đã ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 1167/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; Kế hoạch số 71/KH-SGDĐT ngày 12/01/2021 về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh Quy định nội dung chi và mức chi cho công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (triển khai theo Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh); Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh kéo dài thời hạn áp dụng các Quyết định của UBND tỉnh quy định về mức thu, vùng thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 đối với năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh Quy định mức thu và sử dụng nguồn thu dịch vụ truyền sinh vào lớp 6, lớp 10 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Thực hiện việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính

Qua rà soát, đề xuất giảm thời gian 26/119 TTHC đạt 21%; Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định công bố các TTHC:

- Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 03/8/2021, về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 05/8/2021, về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Sở đã thực hiện rà soát danh mục TTHC thực hiện tại Trung tâm PVHCC tỉnh, danh mục TTHC tiếp nhận và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC⁴ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

c) Thực hiện niêm yết, công khai thủ tục hành chính:

Sở đã công khai đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Cổng dịch vụ công tỉnh để tổ chức, cá nhân được biết.

d) Thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính: Trong năm 2021, Sở không tiếp nhận đơn phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền của Sở.

đ) Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

100% TTHC của Sở được thực hiện trên phần mềm một cửa của tỉnh; tiếp nhận và trả kết quả (qua dịch vụ Bưu chính công ích) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Từ ngày 01/01/2021 đến 10/11/2021, Sở tiếp nhận 208 hồ sơ; trong đó: có 197 hồ sơ giải quyết đúng hạn, 11 hồ sơ trong hạn giải quyết, không có hồ sơ trễ hạn và tồn đọng.

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, đơn vị:

Sở GDĐT đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận; theo đó, cơ quan Sở

⁴ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 19/8/2021, về việc Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 31/8/2021, về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 27/8/2021, về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận.

Giáo dục và Đào tạo gồm 04 phòng chuyên môn⁵. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan Sở GDĐT là 52 người⁶. Ngoài ra, đang công tác tại cơ quan Sở còn có: Công đoàn ngành Giáo dục (01 người). Nhìn chung đội ngũ cán bộ quản lý cơ quan Sở GDĐT tương đối đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; đã phát huy được năng lực, trình độ chuyên môn trong công tác, chủ động, sáng tạo, nhiệt tình trong công việc, tạo được uy tín đối với nhân dân.

b) Tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan:

Thực hiện Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Sở GDĐT đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 phê duyệt Đề án kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, biên chế của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 83/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận.

Sở GDĐT đã báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 08-NQ/TW của Chính phủ (Báo cáo số 1093/BC-SGDĐT ngày 20/5/2021); báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 92-KH/TU, Chương trình hành động số 181-CTr/TU ngày 21/02/2018 của Tỉnh ủy (Báo cáo số 2571/BC-SGDĐT ngày 18/10/2021).

Sở GDĐT báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ (Công văn số 414/SGDĐT-TCHC ngày 01/3/2021); tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2018/NĐ-CP (Công văn số 2629/SGDĐT-TCHC ngày 26/10/2021).

Sở GDĐT đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về cơ cấu tổ chức của Trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Trần Hưng đạo trực thuộc Sở giáo dục và Đào tạo.

Sở GDĐT đã ban hành Quyết định số 733/QĐ-SGDĐT ngày 23/9/2021 về việc phân công nhiệm vụ đối với lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 748/QĐ-SGDĐT ngày 29/9/2021 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn các phòng chuyên môn thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận.

Sở GDĐT đã ban hành Công văn số 24/SGDĐT-TCHC ngày 07/01/2021 về việc hướng dẫn thành lập, hoạt động Hội đồng trường trung học công lập. Sở GDĐT đã ban hành Quyết định công nhận thành phần của Hội đồng trường và Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường⁷.

⁵ Tổ chức - Hành chính, Thanh tra, Kế hoạch - Tài chính, Nghiệp vụ dạy và học.

⁶ Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc, Trưởng phòng: 04 người, Phó Trưởng phòng: 06 người; Chuyên viên: 36 người; Hợp đồng theo Nghị định 68: 03 người.

⁷ Trường THPT Nguyễn Huệ, Trường THPT An Phước, Trường THCS, THPT Bác Ái, Trường THPT Phạm Văn Đồng, Trường PTDTNT Pí Năng Tắc, Trường PTDTNT THCS Ninh Sơn, Trường THPT Phan Bội Châu, Trường THPT Lê Duẩn, Trường THCS, THPT Đặng Chí Thanh, Trường THPT Phan Chu Trinh, Trường THPT Tôn Đức Thắng, Trường THPT Tháp Chàm, Trường THPT Nguyễn Trãi,

Sở GDĐT đã ban hành Quyết định số 626/QĐ-SGDĐT ngày 29/8/2021 phương án chuyển xếp mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Công văn số 2405/SGDĐT-TCHC ngày 12/10/2021 về việc hướng dẫn chuyển xếp mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

- Đánh giá, xếp loại công chức, viên chức và người lao động ngành GDĐT hàng tháng, hàng quý theo đúng quy định⁸.

Sở GDĐT đã ban hành Công văn số 373/SGDĐT-TCHC ngày 25/02/2021 về việc đề xuất, giới thiệu bổ sung cán bộ quy hoạch dự nguồn chức danh Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2026; Công văn số 374/SGDĐT-TCHC ngày 25/02/2021 về việc đề xuất, giới thiệu cán bộ quy hoạch dự nguồn chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2026. Sở GDĐT đã hoàn thành việc rà soát, bổ sung quy hoạch dự nguồn chức danh Phó Giám đốc Sở GDĐT nhiệm kỳ 2021-2026 (Công văn số 1118/SGDĐT-TCHC ngày 24/5/2021); Sở GDĐT đang thực hiện quy trình bổ sung quy hoạch dự nguồn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chức năng thuộc Sở và cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở GDĐT giai đoạn 2021-2026.

Sở GDĐT đã ban hành Quyết định điều động và bổ nhiệm chức vụ 04 Phó Hiệu trưởng, tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ 03 Phó Hiệu trưởng, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho tới tuổi nghỉ hưu 01 Hiệu trưởng; bổ nhiệm lại đối với 06 cán bộ quản lý của 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; bổ nhiệm 03 Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng (bằng hình thức thi tuyển).

c) Về thực hiện phân cấp quản lý:

Tiếp tục duy trì và phát huy được vai trò quản lý của cơ sở đối với công tác xây dựng tổ chức bộ máy và quản lý biên chế phù hợp với tình hình, điều kiện của đơn vị. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, khen thưởng, nâng lương...đối với cán bộ, công chức được thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

4. Cải cách công vụ:

Căn cứ Luật viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện, cụ thể như sau:

Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh, Trường PTDTNT Thuận Bắc, Trường PTDTNT THCS Ninh Phước.

⁸ Sở GDĐT đã ban hành Công văn số 1055/SGDĐT-TCHC ngày 14/5/2021 về việc đánh giá, xếp loại đối với viên chức lãnh đạo quản lý, viên chức sự nghiệp ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2020-2021; Công văn số 1066/SGDĐT-TCHC ngày 17/5/2021 về việc hướng dẫn đánh giá chuẩn hiệu trưởng và chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông công lập năm học 2020-2021; Công văn số 2034/SGDĐT-TCHC ngày 01/9/2021 về việc đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông theo Chuẩn, năm học 2020-2021.

a) Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức:

Sở GDĐT đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 về việc phê duyệt Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận; thẩm định và trình Sở Nội vụ phê duyệt Đề án vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

- Công tác quản lý, sử dụng biên chế: Sở GDĐT thực hiện đúng lộ trình tinh giản biên chế công chức của UBND tỉnh⁹; theo đó, Sở GDĐT đã phân bổ biên chế viên chức cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở kịp thời và đúng số lượng được UBND tỉnh giao. Trong năm 2021, Sở GDĐT đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách tinh giản biên chế đối với 08 trường hợp viên chức thuộc các đơn vị trực thuộc Sở.

Sở GDĐT đã ban hành Quyết định số 626/QĐ-SGDĐT ngày 29/8/2021 phương án chuyển xếp mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Công văn số 2405/SGDĐT-TCHC ngày 12/10/2021 về việc hướng dẫn chuyển xếp mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

b) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

* Về thực hiện chế độ chính sách đối với công chức, viên chức đều được quan tâm giải quyết kịp thời, bảo đảm đúng, đủ theo quy định của pháp luật thông qua các văn bản Sở ban hành sau:

Quyết định số 833/SGDĐT-TCCB ngày 30/12/2013 của Giám đốc Sở GDĐT về việc ban hành quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt nâng lương trước thời hạn của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

Sở GDĐT ban hành Công văn số 1696/SGDĐT-TCHC ngày 27/7/2021 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nghỉ phép năm đối với nhà giáo nghỉ hưu trong năm học; Công văn số 2378/SGDĐT-TCHC ngày 01/10/2021 về việc hướng dẫn thực hiện phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và chế độ đối với giáo viên làm Tổng phụ trách Đội TNTPHCM đối với trường phổ thông có nhiều cấp học.

* Về đào tạo, bồi dưỡng:

Đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Đề án Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Ninh Thuận (được phê duyệt tại Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 09/8/2021).

- Đang triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

⁹ Theo các Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 UBND tỉnh đã ban hành phê duyệt Kế hoạch thu hồi biên chế hành chính giai đoạn 2015-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 phê duyệt Kế hoạch thu hồi biên chế sự nghiệp giai đoạn 2015-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

theo kế hoạch đã được Chủ tịch UBND tỉnh¹⁰ phê duyệt.

Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3773/KH-UBND ngày 20/10/2020 thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 1 (2020-2025); Kế hoạch số 2774/KH-UBND ngày 07/6/2021 thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2021.

Sở GDĐT đã ban hành Quyết định số 119/QĐ-SGDĐT ngày 01/3/2021 về việc phân bổ chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng năm 2021. Sở GDĐT đã cử 18 viên chức đi học cao học, 08 công chức, viên chức đi học Trung cấp Lý luận chính trị.

Sở GDĐT đã phối hợp Trường Đại học Thủ Dầu Một thống nhất mở lớp đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục tại Ninh Thuận.

Sở GDĐT đã phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành Công văn số 4846/UBND-VXNV ngày 13/9/2021 về việc đăng ký nhu cầu đào tạo giáo viên bắt đầu tuyển sinh năm 2021 gửi Bộ GDĐT, trong đó đăng ký 104 chỉ tiêu (86 trình độ đại học và 18 chỉ tiêu trình độ cao đẳng mầm non).

* Về đánh giá, xếp loại công chức, viên chức:

Sở GDĐT đã thực hiện đánh giá, xếp loại công chức, viên chức và người lao động cơ quan Sở hàng tháng, hàng quý theo đúng quy định. Sở GDĐT đã đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành GDĐT theo Công văn số 1055/SGDĐT-TCHC ngày 14/5/2021 về việc đánh giá, xếp loại đối với viên chức lãnh đạo quản lý, viên chức sự nghiệp ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2020-2021; Công văn số 1066/SGDĐT-TCHC ngày 17/5/2021 về việc hướng dẫn đánh giá chuẩn hiệu trưởng và chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông công lập năm học 2020-2021, Công văn số 2034/SGDĐT-TCHC ngày 01/9/2021 về việc đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông theo Chuẩn, năm học 2020-2021.

c) Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức:

Công tác quản lý cán bộ, công chức chưa có điều kiện để thực hiện đổi mới, chỉ mới dừng lại ở mức độ thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý cán bộ, công chức. Việc nâng ngạch cho công chức, viên chức trong thời gian qua chủ yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ. Chế độ, chính sách về ưu tiên, đãi ngộ và thu hút người tài, người có trình độ cao về công tác trong cơ quan nhà nước ở địa phương không đủ sức hấp dẫn để cán bộ, công chức có năng lực yên tâm công tác và thu hút được nhân tài về công tác tại địa phương.

5. Cải cách tài chính công:

- Thực hiện đúng quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo

¹⁰ Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 19/02/2021, phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021; Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 04/10/2017, phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 02/5/2019, phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2019 - 2025.

Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính và Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài Chính và Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; chỉ tiêu đúng chế độ, chính sách, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí chi thường xuyên (10%) trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, đồng thời thực hiện công khai theo đúng quy định của pháp luật.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.

- Hoàn chỉnh Lập báo cáo tổng hợp toàn ngành năm 2020, nộp báo cáo cho kho bạc và các cơ quan theo đúng quy định. Rà soát hoàn tất trình Lãnh đạo ký thông báo thẩm tra quyết toán các đơn vị trực thuộc từ năm 2018-2020. Hoàn chỉnh công tác kiểm kê tài sản VP Sở 2020.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử:

a) Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, đơn vị:

- Triển khai thực hiện sử dụng phần mềm văn phòng điện tử TD Office để quản lý văn bản, quản lý hồ sơ công việc, trao đổi văn bản điện tử, quản lý điều hành trên môi trường mạng. Đến nay, đã triển khai từ cơ quan Sở đến đơn vị trực thuộc Sở với hơn 200 tài khoản. 100% văn bản tham mưu, triển khai thông qua phần mềm TD Office.

- Ứng dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (tại địa chỉ csdl.moet.gov.vn) theo yêu cầu của Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục báo cáo dữ liệu đầy đủ.

- Cổng thông tin điện tử ninhthuan.edu.vn đã cung cấp 40 tên miền, các trang web thành phần cho các đơn vị trực thuộc Sở, các đơn vị trực thuộc các Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Tăng cường ứng dụng phương thức họp trực tuyến để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo qua mạng sử dụng các phần mềm như Google meet, Zoom, Ms Team.

- Triển khai có hiệu quả Cổng thông tin điện tử, thư điện tử. Email ngành ninhthuan.edu.vn đã cấp 7.000 tài khoản cho CBCCVC Sở, các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trực thuộc Sở, đơn vị trực thuộc các phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ đạo các nhà trường, giáo viên tích cực xây dựng học liệu dạy học trực tuyến, chú trọng xây dựng bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trực tuyến.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT hỗ trợ đổi mới nội dung, phương pháp dạy, học, thi và kiểm tra đánh giá trong tất cả các môn học; triển khai phương thức dạy

học trực tuyến (tăng cường đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, đường truyền Internet, phần mềm, học liệu và tập huấn giáo viên, học sinh áp dụng dạy học trực tuyến hiệu quả).

- Sở thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4: Sở đã cung cấp 27/74 TTHC dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

b) Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính:

- Thực hiện Kế hoạch số 508/KH-UBND ngày 01/02/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận năm 2021, Sở GDĐT đã ban hành Kế hoạch số 220/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 về việc duy trì hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và Kế hoạch số 1058/KH-SGDĐT ngày 14/5/2021 Mở rộng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Đã công bố hệ thống QLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Quyết định 838/QĐ-SGDĐT ngày 05/11/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Sở GDĐT đã báo cáo kết quả triển khai ISO năm 2021 theo Báo cáo số 2645/BC-SGDĐT ngày 25/10/2021.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:

Được sự quan tâm lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, sự tham gia tích cực các phòng ban chuyên môn và toàn thể CBCCVC là yếu tố quan trọng đưa công tác cải cách hành chính ngày càng phát triển mạnh. Công tác cải cách thể chế thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Các văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng và ban hành đúng thẩm quyền, đúng thể thức; nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của tỉnh, cụ thể hoá kịp thời các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh. Chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng nâng lên; công tác tuyển dụng, bổ nhiệm mới thì hầu hết cán bộ, công chức, viên chức đều đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định; công tác đánh giá, luân chuyển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng đổi mới và nâng cao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành; thực hiện trao đổi văn bản điện tử, giảm các văn bản, giấy tờ hành chính không cần thiết. Thực hiện tốt công tác thanh kiểm tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính; công tác tuyên truyền cải cách hành chính được chú trọng thực hiện với nhiều nội dung và hình thức.

2. Khó khăn, tồn tại:

Bên cạnh những thuận lợi, công tác cải cách hành chính của ngành giáo dục và đào tạo vẫn còn một số khó khăn, tồn tại sau đây:

a) Khó khăn:

- Việc triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp: Hiện nay, chưa có văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan về nội dung

theo quy định¹¹. Do đó, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở chưa có cơ sở để xây dựng Đề án vị trí việc làm và xác định cơ cấu ngạch công chức của đơn vị, nên nhiệm vụ này đến thời điểm hiện nay vẫn chưa thể hoàn thành theo quy định.

- Hạ tầng mạng nội bộ, thiết bị công nghệ thông tin đầu tư đến nay xuống cấp, không đáp ứng về cấu hình và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin, việc đầu tư cơ sở hạ tầng thông tin chỉ dừng lại ở việc đầu tư phần cứng và các ứng dụng cơ bản, số máy tính của Sở được đầu tư không đồng bộ do nguồn kinh phí hoạt động còn hạn hẹp nên nhiều máy đã được trang bị gần 20 năm mà chưa được thay thế, bổ sung, nay đã lạc hậu không đáp ứng yêu cầu công việc; chưa đầu tư về công tác an toàn, bảo mật thông tin;

b) Tồn tại:

- Một số nhiệm vụ do UBND giao chưa thực hiện đúng thời gian yêu cầu, có nhiệm vụ quá hạn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC NĂM 2022

1. Cải cách về thể chế:

- Tiếp tục rà soát, cập nhật bổ sung về thủ tục hành chính phù hợp Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá các VBQPPL, công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra việc tổ chức thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

- Tiếp tục rà soát và đơn giản hoá thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực do Sở quản lý.

- Tham mưu UBND tỉnh kịp thời công bố, chuẩn hóa danh mục các TTHC ngay sau Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai và cập nhật đúng, đầy đủ, kịp thời TTHC đang có hiệu lực thi hành.

- Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý kịp thời những phản ánh, kiến nghị của cá nhân và tổ chức về các quy định hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính:

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp các phòng chuyên môn thuộc Sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

- Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối bên trong theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Thực hiện tốt các quy định về phân cấp quản lý, qua đó đẩy mạnh việc thực hiện phân cấp quản lý lĩnh vực giáo dục nhằm đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

¹¹ tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ

- Đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở năm học 2021-2022.

- Tổ chức kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị thuộc Sở.

4. Cải cách chế độ công vụ:

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2022.

- Bổ nhiệm, xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

- Thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng, sử dụng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công:

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan Nhà nước tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh.

- Tiếp tục tham mưu thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.

- Tăng cường, công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát việc quản lý ngân sách nhà nước; thực hiện có hiệu quả công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước để đảm bảo đủ nguồn, đáp ứng nhu cầu chi của cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện tốt việc công khai, minh bạch trong quản lý về tài chính, tài sản; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục tăng thêm nguồn lực cho việc phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số:

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động chung của toàn ngành và của từng đơn vị.

- Tiếp tục áp dụng và nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành:

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022.

- Triển khai thực hiện chỉ số cải cách hành chính.

- Xây dựng và ban hành các kế hoạch năm 2022: Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính; kế hoạch tuyên truyền CCHC; kế hoạch kiểm soát TTHC.

- Việc tiếp nhận, xử lý, trả lời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đảm bảo nhanh chóng, hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc Sở; gắn công tác cải cách hành chính với thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong năm học; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách hành chính, kỷ luật kỷ cương hành chính, kiểm tra việc giải quyết các thủ tục hành chính tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc Sở; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính. Gắn thi đua khen thưởng với việc hoàn thành nhiệm vụ công các CCHC.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị UBND tỉnh xem xét cấp kinh phí nâng cấp hạ tầng CNTT của ngành.

Trên đây, là báo cáo tình hình triển khai thực hiện cải cách hành chính năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- T.T Ban chỉ đạo CCHC cấp tỉnh;
- Ban ISO;
- GD và PGD Sở;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Bá Phương

PHỤ LỤC 1

Kết quả thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận năm 2021 (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 10/11/2021)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SGDĐT ngày /11/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Lĩnh vực, thủ tục hành chính thực hiện	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết	Số hồ sơ không giải quyết	Số hồ sơ tồn đọng
			Trước hẹn	Đúng hẹn	Trễ hẹn			
I	Lĩnh vực giáo dục trung học							
1	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	0	0	0	0	0	0	0
2	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	0	0	0	0	0	0	0
3	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	0	0	0	0	0	0	0
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	0	0	0	0	0	0	0
5	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)	0	0	0	0	0	0	0
6	Tuyển sinh trung học phổ thông	0	0	0	0	0	0	0
7	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	62	0	62	0	0	0	0
II	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	0	0	0	0	0	0	0

1	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	0	0	0	0	0	0	0
2	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	0	0	0	0	0	0	0
3	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)	0	0	0	0	0	0	0
4	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	0	0	0	0	0	0	0
5	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	0	0	0	0	0	0	0
6	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	0	0	0	0	0	0	0
7	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	0	0	0	0	0	0	0
8	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)	0	0	0	0	0	0	0
III	Lĩnh vực giáo dục dân tộc	0	0	0	0	0	0	0
1	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	0	0	0	0	0	0	0
2	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	0	0	0	0	0	0	0
3	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	0	0	0	0	0	0	0
4	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	0	0	0	0	0	0	0
IV	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	0	0	0	0	0	0	0
1	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép	0	0	0	0	0	0	0

	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục							
2	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	0	0	0	0	0	0	0
3	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	0	0	0	0	0	0	0
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	0	0	0	0	0	0	0
5	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	0	0	0	0	0	0	0
6	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương	0	0	0	0	0	0	0
7	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	03	0	03	0	0	0	0
8	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	02	0	02	0	0	0	0
9	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	0	0	0	0	0	0	0
10	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	0	0	0	0	0	0	0
11	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)	0	0	0	0	0	0	0
12	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	0	0	0	0	0	0	0
13	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	0	0	0	0	0	0	0
14	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	0	0	0	0	0	0	0
15	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	0	0	0	0	0	0	0
16	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	0	0	0	0	0	0	0
17	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	0	0	0	0	0	0	0

18	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	0	0	0	0	0	0	0
V	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục	0	0	0	0	0	0	0
1	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	04	0	04	0	0	0	0
2	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	10	0	02	0	08	0	0
3	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	03	0	01	0	02	0	0
4	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0
VI	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	0	0	0	0	0	0	0
1	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	0	0	0	0	0	0	0
2	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	0	0	0	0	0	0	0
3	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	0	0	0	0	0	0	0
4	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0
5	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	0	0	0	0	0	0	0
6	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0
7	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	0	0	0	0	0	0	0
8	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0
9	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	0	0	0	0	0	0	0
10	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	0	0	0	0	0	0	0
VII	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0

1	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	0	0	0	0	0	0	0
2	Phê duyệt liên kết giáo dục	0	0	0	0	0	0	0
3	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục							
4	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	0	0	0	0	0	0	0
5	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	0	0	0	0	0	0	0
6	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	0	0	0	0	0	0	0
7	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	0
8	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	0
9	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	0	0	0	0	0	0	0
10	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	0	0	0	0	0	0	0
11	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	0	0	0	0	0	0	0
12	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư	0	0	0	0	0	0	0

	nước ngoài tại Việt Nam							
VIII	Lĩnh vực thi, tuyển sinh	0	0	0	0	0	0	0
1	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	0	0	0	0	0	0	0
IX	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ	0	0	0	0	0	0	0
1	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	118	0	117	0	01	0	0
2	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	06	0	06	0	0	0	0
3	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng:	208	0	197	0	11	0	0

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021
THEO KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021 CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SGDĐT ngày /11/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Nhiệm vụ cụ thể	Thời gian đăng ký hoàn thành	Kết quả
I	Cải cách thể chế		
1	Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại Sở năm 2021.	Tháng 1/2021	Kế hoạch số 26/KH-SGDĐT ngày 07/01/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2021; Kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 07/01/2021 về việc kiểm tra văn quy phạm pháp luật năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo;
2	Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Quý I/2021	Kế hoạch số 119/KH-SGDĐT ngày 18/01/2021 về việc theo dõi thi hành pháp luật năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo
II	Cải cách thủ tục hành chính		
1	Xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính.	Tháng 12/2020	Kế hoạch số 1167/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021.
2	Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021.		Kế hoạch số 71/KH-SGDĐT ngày 12/01/2021 về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo.
3	Rà soát, cập nhật Bộ thủ tục	Tháng 12/2019	Tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định:

	hành chính; sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính không phù hợp.		<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 03/8/2021, về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận. - Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 05/8/2021, về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.
4	Cập nhật và công khai TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, cơ quan và trang thông tin điện tử.		<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 19/8/2021, về việc Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận. - Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 31/8/2021, về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận. - Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 27/8/2021, về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.
5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.	Thường xuyên trong năm	Trong năm 2021, Sở Giáo dục và Đào tạo không tiếp nhận đơn thư phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.
III	Cải cách tổ chức bộ máy	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> - Sở GDĐT đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận. - Sở GDĐT đã ban hành Công văn số 373/SGDĐT-TCHC ngày 25/02/2021 về việc đề xuất, giới thiệu bổ sung cán bộ quy hoạch dự nguồn chức danh Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2026; Công văn số 374/SGDĐT-TCHC ngày 25/02/2021 về việc đề xuất, giới thiệu cán bộ quy hoạch dự nguồn chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn

			<p>thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2026. Sở GDĐT đã hoàn thành việc rà soát, bổ sung quy hoạch dự nguồn chức danh Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo nhiệm kỳ 2021-2026 (Công văn số 1118/SGDĐT-TCHC ngày 24/5/2021).</p> <p>- Sở GDĐT đã ban hành Quyết định điều động và bổ nhiệm chức vụ 03 Phó Hiệu trưởng, tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ 03 Phó Hiệu trưởng, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho tới tuổi nghỉ hưu 01 Hiệu trưởng; bổ nhiệm lại đối với 06 cán bộ quản lý của 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; bổ nhiệm 03 Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng (bằng hình thức thi tuyển).</p>
IV	Cải cách công vụ	Năm 2021	<p>Triển khai thực hiện Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 19/02/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021; Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 04/10/2017 phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2019 – 2025;</p> <p>Sở GDĐT đã ban hành Quyết định số 119/QĐ-SGDĐT ngày 01/3/2021 về việc phân bổ chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng năm 2021. Sở GDĐT đã cử 18 viên chức đi học cao học, 08 công chức, viên chức đi học Trung cấp Lý luận chính trị.</p> <p>Sở GDĐT đã phối hợp Trường Đại học Thủ Dầu Một thống nhất mở lớp đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục tại Ninh Thuận.</p>
V	Cải cách tài chính công		<p>- Quyết định số 69a/QĐ-SGDĐT ngày 29/01/2021 về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021.</p> <p>- Quyết định số 574/QĐ-SGDĐT ngày 12/8/2021 về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2020.</p>

VI	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử		
1	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm học 2021-2022.		Kế hoạch số 2345/KH-SGDĐT ngày 29/9/2021.
2	Thực hiện việc duy trì hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015		- Kế hoạch số 220/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 về việc duy trì hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. - Kế hoạch số 1058/KH-SGDĐT ngày 14/5/2021 Mở rộng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo.
VII	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính		
1	Xây dựng và ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021.	Tháng 11/2020	Kế hoạch số 2811/KH-SGDĐT ngày 13/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về công tác cải cách hành chính năm 2021.
2	Xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2021.	Quý I/2021	Kế hoạch số 217/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 về kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2021.
3	Xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2021		Kế hoạch số 218/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 về kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2021.
4	Xây dựng và ban hành Kế hoạch truyền truyền cải cách hành chính năm 2021.	Quý I/2021	Triển khai Kế hoạch số 1132/KH-UBND ngày 10/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2021.
5	Xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát động thi đua cải cách hành chính năm 2021.	Quý I/2021	Kế hoạch số 216/KH-SGDĐT ngày 27/01/2021 phát động thi đua thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021.

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SGDDĐT ngày /11/2021 của Sở GDĐT)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC		01	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	18	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	18	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	05	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	09	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	03	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	03	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	03	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	119	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	74	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	40	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	05	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục		
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục		
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục		
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	1	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	0	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	0	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	22	Năm 2015: 27 đơn vị; đến nay chuyển 05 đơn vị về huyện, 02 đơn vị thành lập mới, 02 đơn vị bị sáp nhập
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	22	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	0	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	18,5% (05/27)	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	49	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	49	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	7	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	12,5% (7/56)	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1410	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	1376	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1487	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	5,18% (77/1487)	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	22	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	11	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	02	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	20	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	99%		
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	99%		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3			
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	27 TTHC		
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3			
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	100 %		